TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/DS-PT
Ngày: 17 - 8 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh H; Cư trú tại: Số E, tổ B, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy L; Cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2023).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hiếu T; Cư trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Văn T1; Cư trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Bé B; Cư trú tại: Số E, tổ B, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Nguyễn Thị T2; Cư trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T2*:* Anh Lê Văn T1; Cư trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2022).

3. Anh Nguyễn Thành Đ; Cư trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh H *trình bày:*

Vào ngày 24/5/2016, chị cho anh T vay số tiền 67.500.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay là 05 năm. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền và được công chứng tại Phòng C. Để đảm bảo cho số tiền vay, anh T thế chấp cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện theo hợp đồng, chị đã giao cho anh T số tiền 67.500.000 đồng và anh T giao cho chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 54. Tuy nhiên, hết thời gian vay, anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả cho chị số tiền 67.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Khi anh T trả đủ tiền thì chị sẽ trả lại cho anh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 54.

Tại đơn phản tố ngày 19/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hiếu T *và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Anh T và chị H là hàng xóm, do anh có bằng lái tàu hạng 3 nhưng thiếu vốn làm ăn nên vợ chồng chị H có bàn với anh tìm một chiếc tàu để chở vật liệu xây dựng kiếm tiền lời. Khi biết ở Sóc Trăng có người bán tàu thì anh cùng với anh B1 Ba đến coi chiếc tàu biển số ST-3682, chủ tàu báo giá là 125.000.000 đồng. Anh và vợ chồng chị H thống nhất mua chiếc tàu nhưng do anh không có tiền nên chị H đưa cho anh số tiền 125.000.000 đồng để đi mua tàu.

Đến ngày 01/4/2016, anh đến Sóc Trăng mua tàu, anh có làm giấy tay mua một chiếc tàu gỗ (tàu cũ, biển số ST-3682) của Trần Ngọc Q với số tiền 125.000.000 đồng, có xác nhận của Công an xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó chiếc tàu được đem về sửa chữa, chi phí sửa chữa với tiền công là 10.000.000 đồng. Tổng chi phí chiếc tàu là 135.000.000 đồng.

Anh T và vợ chồng chị H thỏa thuận, số tiền mua và sửa chữa tàu mỗi người chịu 50% của số tiền 135.000.000 đồng tức là mỗi bên chịu 67.500.000 đồng. Do anh không có tiền nên chị H yêu cầu anh ký hợp đồng vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đứng tên cho chị H tại phòng C. Anh đã ký hợp đồng vay tiền và giao cho chị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 876701, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên giấy chứng nhận.

Hai bên thỏa thuận giao tàu cho anh chạy bắt đầu từ giữa tháng 4/2016. Sau khi chạy tàu được một thời gian, anh không có tiền để trả cho chị H nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, chị H không cho anh chạy tàu nữa. Chiếc tàu được anh giao cho vợ chồng chị H quản lý, sử dụng, vợ chồng chị H cũng không chia lợi nhuận cho anh từ tháng 9/2016. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấm dứt hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2016 giữa anh T và chị H. Anh không đồng ý trả cho chị H số tiền 67.500.000 đồng. Yêu cầu chị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 876701, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên giấy chứng nhận.

Anh T xin rút yêu cầu chị H trả lợi nhuận từ tàu với số tiền là 328.000.000 đồng.

Tại bản khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Bé B *trình bày:*

Vào ngày 24/5/2016, chị H cho anh T vay số tiền 67.500.000 đồng, thời hạn vay là 05 năm, vay không tính lãi, anh T có thế chấp cho chị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên giấy chứng nhận. Hết thời hạn vay mà anh T không trả tiền cho chị H. Anh yêu cầu anh T trả lại cho vợ chồng anh số tiền 67.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Vợ chồng anh đồng ý trả lại cho anh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 54.

Tại văn bản ủy quyền đề ngày 18/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T2 *do anh* Lê Văn T1 *đại diện trình bày:*

Anh T1 đại diện cho chị T2, đồng ý đối với ý kiến và yêu cầu của anh T, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Huỳnh H và yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Hiếu T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 và quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 115/2023/QĐ-SCBSBA ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 422, 463, 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh H đối với bị đơn Nguyễn Hiếu T về việc yêu cầu trả số tiền 67.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hiếu T.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng vay tiền đề ngày 24/5/2016 giữa chị Nguyễn Huỳnh H với anh Nguyễn Hiếu T.

Buộc chị Nguyễn Huỳnh H phải trả lại cho anh Nguyễn Hiếu T bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Hiếu T đứng tên giấy chứng nhận.

3. Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Hiếu T về việc yêu cầu chị Nguyễn Huỳnh H trả số tiền lợi nhuận từ tàu là 328.000.000 đồng.

4. Dành cho chị Nguyễn Huỳnh H một vụ kiện khác đối với anh Nguyễn Thành Đ khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án dân sự số 11/2023/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng về thu thập chứng cứ không khách quan, thủ tục tống đạt không hợp pháp đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 67.500.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 24/5/2016, chị H đồng ý trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T và cho rằng giữa chị H với anh T không có thỏa thuận hùn vốn mua tàu. Giữa anh T với anh Đ thỏa thuận giao dịch về chiếc tàu ST 3682 như thế nào chị H không biết, không liên quan.

Anh T và người đại diện hợp pháp của anh T cho rằng giữa anh T, chị H thỏa thuận mỗi người hùn vốn 50% mua chiếc tàu ST 3682 của anh Quý giá 135.000.000 đồng. Anh Trung lập hợp đồng vay ngày 24/5/2016 số tiền 67.500.000 đồng là tương đương giá trị hùn vốn 50% và thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi mua tàu anh T, chị T2 giao tiền cho anh Q và có lập hợp đồng mua bán. Sau đó, anh Đ con bà H đăng ký chủ sở hữu giấy chứng nhận đăng ký chiếu tàu VL- 14731 thì anh T không biết. Đến tháng 9/ 2016 giữa anh T với chị H phát sinh mâu thuẫn nên anh T đã bàn giao chiếc tàu VL- 14731 cho chị H nhận nhưng anh T không yêu cầu chị H hủy hợp đồng vay ngày 24/5/2016 và trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh. Anh T và người đại diện hợp pháp yêu cầu bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H. Buộc anh T có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay 67.500.000 đồng, chị H có trách nhiệm trả cho anh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 do anh T đứng tên.

Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm. Buộc anh T nộp 3.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Bé B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Chị H kháng cáo yêu cầu hủy án về thủ tục tống đạt cho Nguyễn Thành Đ, đưa thiếu người tham gia tố tụng, không xem xét chấp nhận chứng cứ hợp đồng vay có công chứng là không khách quan. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thành Đ đúng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, hết thời hạn niêm yết bản án theo quy định của pháp luật thì anh Đ cũng không kháng cáo đối với bản án trên. Mặt khác, không cần thiết phải đưa Văn phòng C1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự vì Văn phòng C1 không có quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án này nên yêu cầu kháng cáo của chị H về hủy bản án là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Vào ngày 24 tháng 5 năm 2016, chị H và anh T ký kết hợp đồng vay tiền có áp dụng biện pháp bảo đảm và được công chứng tại Văn phòng C1, tỉnh Vĩnh Long, hai bên thỏa thuận chị H cho anh T vay số tiền 67.500.000 đồng, thời hạn vay là 05 năm, không tính lãi suất, để đảm bảo cho số tiền vay thì anh T đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 54, diện tích

1.102,9m^2, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cho chị H giữ. Chị H cho rằng đã giao cho anh T số tiền 67.500.000 đồng và đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 54. Anh T cho rằng anh không vay tiền và không có nhận số tiền 67.500.000 đồng của chị H. Số tiền 67.500.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 24/5/2016 anh ký với chị H là thỏa thuận hùn vốn mua chiếc tàu biển số ST – 3682 của anh Trần Ngọc Q với giá là 125.000.000 đồng. Sau đó sửa chữa chiếc tàu chi phí là 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền mua tàu là 135.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận nội dung anh T trình bày.

Xét anh T cho rằng số tiền 67.500.000 đồng là tiền anh thỏa thuận hùn vốn ½ mua chiếc tàu ST – 3682. Theo hồ sơ thể hiện tại hợp đồng mua bán lập ngày 01/4/2016 thể hiện anh Trần Ngọc Q bán cho anh Nguyễn Hiếu T, chị Nguyễn Thị T2 chiếc tàu mang biển số ST – 3682, giá chuyển nhượng 125.000.000 đồng, anh Q đã nhận đủ số tiền trên. Tuy nhiên, tại hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa lập ngày 20/6/2016 thể hiện ông Lê Văn N, bà Trần Thị S chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thành Đ, chiếc tàu biển số ST – 3682, giá chuyển nhượng 50.000.000 đồng. Tại công văn số 1799/SGTVT-PQLVT ngày 18/10/2022 của Sở giao thông vận tải tỉnh V xác định phương tiện thủy nội địa biển số ST – 3682 do ông Lê Văn N chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thành Đ theo hợp đồng mua bán ngày 20/6/2016. Đến ngày 29/7/2016 anh Đ đăng ký chủ sở hữu phương tiện thủy nội địa được cấp giấy chứng nhận và biển số VL- 14731. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận sau khi ký hợp đồng mua bán tàu biển số ST – 3682 với anh Q xong thì anh trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc tàu chạy đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn với bà H nên anh đã giao chiếc tàu biển số ST – 3682 cho bà H và việc anh Đ đăng ký chủ sở hữu phương tiện thủy nội địa được cấp giấy chứng nhận thành biển số VL- 14731 anh T không biết. Khi anh T giao tàu cho bà H thì giữa anh với bà H không có thỏa thuận lại hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2016 đối với số tiền 67.500.000 đồng và anh không yêu cầu bà H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh thế chấp khi vay tiền. Ngoài ra anh T không cung cấp chứng cứ khác chứng minh cho lời trình bày của anh. Anh T thừa nhận chữ ký tại hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2016 là của anh và không yêu cầu giám định chữ ký.

Như vậy, không có căn cứ xác định số tiền 67.500.000 đồng anh Trung lập hợp đồng vay với chị H ngày 24/5/2016 và số tiền 125.000.000 đồng anh T, chị T2 trả tiền mua chiếc tàu biển số ST – 3682 cho anh Q ngày 01/4/2016 có liên quan nhau. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2016 có

hiệu lực và anh T phải trả cho chị H số tiền 67.500.000 đồng. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 876701, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên giấy chứng nhận cho anh T nên chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh T.

[3] Xét yêu cầu phản tố anh T liên q đến hùn vốn mua chiếc tàu ST – 3682: Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 19/4/2022 của anh T và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh T yêu cầu chị Nguyễn Huỳnh H trả số tiền lợi nhuận từ việc khai thác tàu là 328.000.000 đồng nhưng sau đó anh T rút đơn khởi kiện yêu cầu này và cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là có căn cứ. Cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của anh T tranh chấp về số tiền 135.000.000 đồng anh T cho rằng hùn vốn với chị H, anh Đ mua chiếc tàu ST – 3682 nhưng cấp sơ thẩm xét xử công nhận số tiền 67.500.000 đồng tại hợp đồng vay ngày 24/5/2016 là số tiền anh T hùn vốn mua chiếc tàu ST – 3682 với chị H là xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự liên quan đến tranh chấp hợp đồng hùn vốn mua chiếc tàu ST – 3682 giữa anh T với chị H, anh Đ, các đương sự có quyền khởi kiện một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Án phí dân sự:

Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ trả cho chị H: 67.500.000 đồng x 5% = 3.375.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Hiếu T về việc yêu cầu chị Nguyễn Huỳnh H trả lợi nhuận từ tàu là 328.000.000 đồng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 422, Điều 463, Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh H đối với bị đơn Nguyễn Hiếu T về việc yêu cầu trả số tiền 67.500.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Hiếu T phải trả cho chị Nguyễn Huỳnh H số tiền 67.500.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hiếu T.

Buộc chị Nguyễn Huỳnh H phải trả lại cho anh Nguyễn Hiếu T bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.102,9m^2 tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Hiếu T đứng tên giấy chứng nhận.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hiếu T về việc yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2016 giữa chị Nguyễn Huỳnh H với anh Nguyễn Hiếu T.

4. Các đương sự có quyền khởi kiện một vụ kiện dân sự khác về hợp đồng hùn vốn mua chiếc tàu mang biển số ST – 3682 giữa anh Nguyễn Hiếu T với chị Nguyễn Huỳnh H, anh Trần Ngọc Q khi có yêu cầu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Hiếu T về việc yêu cầu chị Nguyễn Huỳnh H trả lợi nhuận từ tàu là 328.000.000 đồng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phí dân sự:

Chị Nguyễn Huỳnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.687.000 đồng theo biên lai số 12325 ngày 19 tháng 11 năm 2021 và tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 1854 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Hiếu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.375.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.500.000 đồng theo biên lai số 12589 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho anh T số tiền chênh lệch là 5.125.000 đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TXBM: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi Cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca